

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%					30%	60%	100%		
						1	1	1						
1	2012719032	Huỳnh Thị Tú	Anh	N20DLK1	10	8	8	6		7.3	7.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
2	2013719033	Nguyễn Công	Định	N20DLK1	10	8	8	6		7.3	5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
3	2012719037	Đặng Thùy	Dung	N20DLK1	10	9	8	7		8.0	5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
4	2012719040	Đỗ Thị Ngân	Hà	N20DLK1	7	9	7.5	0		5.5	HP	0.0	Không	HP
5	2012719041	Tôn Nữ Ngọc	Hằng	N20DLK1	10	7	8	6		7.0	6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
6	2013719044	Trần Đình	Huy	N20DLK1	10	9	8	6		7.7	8.4	8.4	Tám phẩy Bốn	
7	2013719047	Nguyễn Đăng	Khánh	N20DLK1	10	7.5	9	8		8.2	6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
8	2013719048	Nguyễn Anh	Khoa	N20DLK1	8	8.5	8	8		8.2	5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	2013719051	Nguyễn Thành	Long	N20DLK1	6	5	9	5		6.3	6.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
10	2013719053	Dương Tấn	Luân	N20DLK1	7	7.5	6	5		6.2	7.4	7.0	Bảy	
11	2012719056	Nguyễn Thị Trà	My	N20DLK1	10	9.5	9	6		8.2	8.1	8.3	Tám phẩy Ba	
12	2013719058	Nguyễn Thế Kỳ	Nam	N20DLK1	8	9	7	8		8.0	6.3	7.0	Bảy	
13	2012719059	Huỳnh Thị Kim	Nga	N20DLK1	10	9	6.5	8		7.8	7.8	8.0	Tám	
14	2013719063	Lê Nguyễn Kim	Phượng	N20DLK1	10	9	8.5	5		7.5	5.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
15	2012719065	Võ Thị Bạch	Phượng	N20DLK1	10	10	8.5	8		8.8	7.5	8.1	Tám phẩy Một	
16	2012719068	Lê Bảo	Thanh	N20DLK1	10	9	7	6		7.3	8.7	8.4	Tám phẩy Bốn	
17	2013719070	Nguyễn Văn	Thiện	N20DLK1	8	8.5	7	6		7.2	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
18	2012719073	Nguyễn Ngọc	Tịnh	N20DLK1	7	8.5	6	6		6.8	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
19	2013719076	Phan Minh	Trường	N20DLK1	3	9.5	0	0		3.2	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
20	2012719077	Phan Nguyễn Mộng	Tuyền	N20DLK1	10	7.5	7	7		7.2	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
21	2012719078	Đặng Thị Khánh	Vân	N20DLK1	8	8	8	5		7.0	8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
22	2012719030	Võ Thị Tổ	Anh	N20DLK2	9	7.5	7.5	9		8.0	8.4	8.3	Tám phẩy Ba	
23	2013719034	Phạm Quang	Định	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
24	2013719038	Lê Phúc	Duy	N20DLK2	8	9	6	7		7.3	8.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
25	2012719042	Hà Thị Minh	Hảo	N20DLK2	10	9	7	8		8.0	7.9	8.1	Tám phẩy Một	
26	2012719043	Nguyễn Mai	Hương	N20DLK2	9	9	8	9		8.7	9.2	9.0	Chín	
27	2012719046	Phạm Ngọc	Khanh	N20DLK2	10	9.5	7	5		7.2	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
28	2012719049	Trịnh Thị Thùy	Lâm	N20DLK2	9	8	8.5	8		8.2	8.9	8.7	Tám phẩy Bảy	
29	2012719054	Lê Thị Phương	Mai	N20DLK2	10	8	8.5	8		8.2	8.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
30	2013719060	Trịnh Hữu	Nhân	N20DLK2	10	8.5	6	8		7.5	6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
31	2012719061	Nguyễn Lê Yến	Ni	N20DLK2	8	8	7	6		7.0	8.7	8.1	Tám phẩy Một	
32	2013719062	Lê Duy	Pháp	N20DLK2	8	6	8.5	8		7.5	8.6	8.2	Tám phẩy Hai	
33	2013719067	Phạm Văn	Sơn	N20DLK2	7	7.5	6	7		6.8	8.7	8.0	Tám	
34	2012719071	Lê Thị Hoài	Thu	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
35	2012719072	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	N20DLK2	10	8.5	10	9		9.2	8.4	8.8	Tám phẩy Tám	
36	2013719074	Nguyễn Ngọc	Toàn	N20DLK2	7	8	7	5		6.7	8.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
37	1913711527	Phạm Nguyễn Minh	Trí	N20DLK2	9	9	8	7		8.0	8.2	8.2	Tám phẩy Hai	
38	2012719080	Võ Thị Ngọc	Vi	N20DLK2	2	8.5	0	0		2.8	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
39	2013719081	Phan Nhật	Vỹ	N20DLK2	7	8	8.5	5		7.2	9.4	8.5	Tám phẩy Năm	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	2012719082	Hồ Thị Hải Yến	N20DLK2	10	7	9.5	8		8.2	8.4	8.5	Tám phẩy Năm	
41	1912711472	Mai Như Ngọc	N20DLK2	7	8	6	8		7.3	8.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
1	1913711452	Trần Duy Khoa	N19DLK	6	6	9	6		7.0	7.7	7.3	Bảy phẩy Ba	32251
2	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N19DLK	2	6.5	0	0		2.2	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
3	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	N19DLK	5	5	5	5		5.0	8.4	7.0	Bảy	34832

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	38	86%	
2	Số sinh viên nợ	6	14%	
TỔNG CỘNG :		44	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2016

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân